

DANH SÁCH HỖ TRỢ CHI PHÍ HỌC TẬP HK 1 - NĂM HỌC 2014-2015
KHÔNG CÓ TÊN THÀNH VIÊN HỘ NGHÈO

STT	Mã số hộ nghèo	Họ và tên	Đơn vị
1	3931.3128	Võ Lâm Anh Huy	MG SEN HỒNG
2	3913.1106	Lê Đông Phương Nam	MN HOA HỒNG
3	3915.04065	Nguyễn Ngọc Thảo My	MN HOA MAI
4	3935.1025	Nguyễn Trọng Tuấn	MN HOÀNG ANH
5	3905.3062	Đỗ Tường Vi	MN NGỌC LAN
6	3905.4268	Trần Thị Tuyết Ngọc	MN NGỌC LAN
7	3909.1144	Huỳnh Lê Minh Thiện	MN PHONG LAN
8	3913.3592	Ngô Thị Thu Hà	TH TÂN QUÝ TÂY 3
9	3913.3265	Văn Lê Trọng	TH TÂN QUÝ TÂY 3
10	3913.3265	Văn Ngọc Bảo Trân	TH TÂN QUÝ TÂY 3
11	3913.3265	Văn Phú Khang	TH TÂN QUÝ TÂY 3
12	3927.5202	Đào Trần Hồng Ngân	TH AN HẠ
13	3927.7072	Đỗ Thị Phương Thảo	TH AN HẠ
14	3929.1107	Cam Thị Kim Tuyền	TH CẦU XÁNG
15	3927.3121	Nguyễn Ngọc Phương Quyên	TH CẦU XÁNG
16	3929.1079	Nguyễn Thị Mỹ Linh	TH CẦU XÁNG
17	3929.1079	Trần Thanh Tòng	TH CẦU XÁNG
18	3911.6028	Huỳnh Hồng Diễm	TH HƯNG LONG
19	3911.1061	Mai Lâm Trường Vũ	TH HƯNG LONG
20	3911.1061	Nguyễn Thị Kiều Linh	TH HƯNG LONG
21	3911.1061	Nguyễn Trung Hiếu	TH HƯNG LONG
22	3911.5107	Trần Minh Đức	TH HƯNG LONG
23	3911.4071	Trần Minh Phi	TH HƯNG LONG
24	3911.4013	Trần Thế Nhân	TH HƯNG LONG
25	3911.1001	Trương Vĩnh Hưng	TH HƯNG LONG
26	3933.01023	Nguyễn Gia Hường	TH LÊ MINH XUÂN 2
27	3929.5030	Văn Thị Thanh Thảo	TH LÊ MINH XUÂN 2
28	3929.2259	Trần Quốc Trung	TH LÊ MINH XUÂN 3
29	3929.7145	Trần Thị Tuyết Mai	TH LÊ MINH XUÂN 3
30	3905.5115	Đặng Tấn Tài	TH NGUYỄN VĂN TRÂN
31	3905.2084	Đoàn Chí Viện	TH NGUYỄN VĂN TRÂN

STT	Mã số hộ nghèo	Họ và tên	Đơn vị
32	3905.2031	Đoàn Thị Yến Nhi	TH NGUYỄN VĂN TRÂN
33	3905.2031	Đoàn Thị Phương Nhung	TH NGUYỄN VĂN TRÂN
34	3905.4064	Hồ Nguyễn Nhật Trường	TH NGUYỄN VĂN TRÂN
35	3905.4004	Kiều Lê Khả Nhi	TH NGUYỄN VĂN TRÂN
36	3905.5139	Lâm Nhân Nghĩa	TH NGUYỄN VĂN TRÂN
37	3905.3062	Nguyễn Quốc Khánh	TH NGUYỄN VĂN TRÂN
38	3905.2002	Nguyễn Võ Mộng Duyên	TH NGUYỄN VĂN TRÂN
39	3905.3198	Nguyễn Thị Thanh Tuyền	TH NGUYỄN VĂN TRÂN
40	3905.5271	Phùng Chí Bảo	TH NGUYỄN VĂN TRÂN
41	3905.4001	Võ Huy Khánh	TH NGUYỄN VĂN TRÂN
42	3905.2267	Võ Thị Thu Hà	TH NGUYỄN VĂN TRÂN
43	3927.1159	Huỳnh Minh Trường	TH PHẠM VĂN HAI
44	3927.01012	Trần Ngọc Thanh Mẫn	TH PHẠM VĂN HAI
45	3909.2343	Bùi Chí Đin	TH QUI ĐỨC
46	3909.3029	Đặng Phước Long	TH QUI ĐỨC
47	3909.4003	Nguyễn Hồng Khánh Duy	TH QUI ĐỨC
48	3905.2267	NGUYỄN NGỌC ÁNH HỒNG	TH QUI ĐỨC
49	3937.1055	Lê Trung Hậu	TH TÂN KIÊN
50	3933.02023	Lê Nguyễn Hoàng Nam	TH TÂN NHỰT
51	3933.03061	Phan Thị Yến Nhi	TH TÂN NHỰT
52	3913.1050	Đặng Huỳnh Thu Ngân	TH TÂN QUÝ TÂY
53	3913.04037	Hồ Minh Thuận	TH TÂN QUÝ TÂY
54	3913.4025	Phan Thị Cẩm Nhung	TH TÂN QUÝ TÂY
55	3913.2402	Trương Ngọc Bảo Trân	TH TÂN QUÝ TÂY
56	3935.3036	Chung Tấn Tài	TH TÂN TÚC
57	3935.01010	Hồ Hòa Bình	TH TÂN TÚC
58	3935.3048	Lê Ngọc Thành	TH TÂN TÚC
59	3935.3074	Nguyễn Hoàng Như Ý	TH TÂN TÚC
60	3935.1024	Nguyễn Hồng Trâm Anh	TH TÂN TÚC
61	3935.5015	Nguyễn Thị Bích Trâm	TH TÂN TÚC
62	3935.4013	Phan Thành Phát	TH TÂN TÚC
63	3935.2002	Trần Giao Linh	TH TÂN TÚC
64	3935.1058	Trần Thị Ngọc Hân	TH TÂN TÚC
65	3935.1021	Võ Nguyễn Thành Vinh	TH TÂN TÚC
66	3915.02012	Bùi Thị Thanh Hiền	TH TRẦN NHÂN TÔN
67	3915.1016	Dương Quốc Lộc	TH TRẦN NHÂN TÔN

STT	Mã số hộ nghèo	Họ và tên	Đơn vị
68	3915.1103	Nguyễn Châu Gia Bảo	TH TRẦN NHÂN TÔN
69	3915.01024	Nguyễn Hoàng Thảo Nhi	TH TRẦN NHÂN TÔN
70	3915.02057	Nguyễn Thị Anh Thu	TH TRẦN NHÂN TÔN
71	3925.3086	Trần Phương Nam	TH VĨNH LỘC B
72	3915.03061	Ngô Hoàng Long	THCS BÌNH CHÁNH
73	3915.03061	Ngô Hoàng Phi	THCS BÌNH CHÁNH
74	3915.3072	Võ Ngọc Danh	THCS BÌNH CHÁNH
75	3905.4176	Nguyễn Tấn Hâu	THCS ĐA PHƯỚC
76	3905.3495	Nguyễn Tô Thành Hiệp	THCS ĐA PHƯỚC
77	3911.8041	Lại Hữu Thiện	THCS HƯNG LONG
78	3911.4070	Trần Minh Phụng	THCS HƯNG LONG
79	3925.6103	Nguyễn Ngọc Mỹ Duyên	THCS LÊ MINH XUÂN
80	3927.7302	Đặng Quang Khánh	THCS PHẠM VĂN HAI
81	3929.1193	Nguyễn Diệp Khánh Phương	THCS PHẠM VĂN HAI
82	3929.4039	Nguyễn Trần Quý Thảo	THCS PHẠM VĂN HAI
83	3929.4039	Nguyễn Trần Trọng Trung	THCS PHẠM VĂN HAI
84	3927.7307	Vũ Đào Kim Oanh	THCS PHẠM VĂN HAI
85	3909.3014	Chu Thị Thu Vân	THCS QUI ĐỨC
86	3909.2144	Phạm Thị Huyền Trân	THCS QUI ĐỨC
87	3909.3070	Trần Thảo Phương Huyền	THCS QUI ĐỨC
88	3933.01014	Võ Hoàng Yên Thu	THCS TÂN NHỰT
89	3913.3372	Bùi Văn Kiện	THCS TÂN QUÝ TÂY
90	3913.1106	Lê Ngọc Kim Ngân	THCS TÂN QUÝ TÂY
91	3913.3203	Nguyễn Ngọc Quý	THCS TÂN QUÝ TÂY
92	3913.4009	Nguyễn Quốc Vinh	THCS TÂN QUÝ TÂY

Tổng cộng danh sách có: 92 học sinh không có tên thành viên hộ nghèo.

Bình Chánh, ngày 08 tháng 12 năm 2015

NGƯỜI LẬP BẢNG

[Signature]

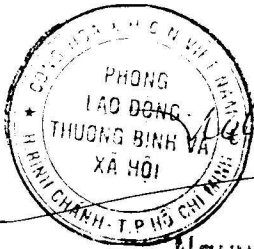
Yô Thị Hồng Phúc



TRƯỞNG PHÒNG

Nguyễn Lợi Dũng

XÁC NHẬN CỦA PHÒNG LAO ĐỘNG THƯƠNG BINH-XÃ HỘI



Nguyễn Thị Liêm